TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 4 – BẮC NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 89/2026/HNGĐ- ST
Ngày: 10-4-2026
V/v Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 – BẮC NINH

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Kim Dung

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Thanh và ông Đồng Văn Diện.

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Văn Huấn - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 – Bắc Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Bắc Ninh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 4 năm 2026, Tòa án nhân dân khu vực 4 – Bắc Ninh xét xử sơ thẩm vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 190/2026/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 03 năm 2026 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 101A/2026/QĐXXST- HNGĐ ngày 26 tháng 03 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 4 – Bắc Ninh, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Hồng S, sinh năm 1995. Địa chỉ: M A B, Cộng hòa liên bang Đ (xin vắng mặt).

+ Người đại diện nhận văn bản tố tụng của anh Nguyễn Hồng S: Anh Nguyễn Lâm Đ, sinh năm 2007. Địa chỉ: Số A ngõ I đường N, TDP G, phường T, tỉnh Hà Tĩnh.

- *Bị đơn:* Chị Hà Thị L, sinh năm 1975;

Địa chỉ: Thôn T, xã T, tỉnh Bắc Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Theo đơn khởi kiện và bản tự khai, nguyên đơn Nguyễn Hồng S trình bày*:

- Về quan hệ hôn nhân: Năm 2022, anh kết hôn với chị Hà Thị L. Trước khi kết hôn, anh và chị L được tự do tìm hiểu, tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Đ1 tại Cộng hòa liên bang Đức vào ngày 2/3/2022. Sau khi kết hôn, thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc đến khoảng tháng 11/2025 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống và trong làm ăn kinh tế, không tìm được tiếng nói chung nên vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi nhau. Hai bên gia đình đã tìm cách hàn gắn nhưng không có kết quả, mâu thuẫn ngày càng tăng lên. Hai vợ chồng đã chính thức ly thân từ năm 2025 đến nay. Nay, anh xác định tình cảm

vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị Hà Thị L.

- Về con chung: Vợ chồng không có con chung nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do công việc bận, khoảng cách địa lý xa xôi nên anh xin được vắng mặt tại tất cả các buổi làm việc, phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, phiên tòa xét xử vụ án.

** Tại Bản tự khai, bị đơn chị Hà Thị L trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Năm 2022, chị kết hôn với anh Nguyễn Hồng S. Trước khi kết hôn, chị và anh S được tự do tìm hiểu, tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Đ1 tại Cộng hòa liên bang Đức vào ngày 2/3/2022. Sau khi kết hôn, thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc đến khoảng tháng 11/2025 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống và trong làm ăn kinh tế, không tìm được tiếng nói chung nên vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi nhau. Hai bên gia đình đã tìm cách hàn gắn nhưng không có kết quả, mâu thuẫn ngày càng tăng lên. Hai vợ chồng đã chính thức ly thân từ năm 2025 đến nay. Nay, chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, anh S xin ly hôn, chị đồng ý ly hôn anh S.

- Về con chung: Vợ chồng không có con chung nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do công việc bận nên chị xin được vắng mặt tại tất cả các phiên tòa xét xử vụ án.

* Tại phiên toà:

Nguyên đơn anh Nguyễn Hồng S, bị đơn chị Hà Thị L xin vắng mặt tại phiên toà. Hội đồng xét xử (viết tắt là HĐXX) công bố các lời khai, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Bắc Ninh phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, HĐXX và Thư ký phiên tòa là đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án, đề nghị HĐXX: Áp dụng các Điều 51, 53, 56, 123, 127 Luật hôn nhân gia đình 2014; các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 271, 273, 469, 479 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 1, Điều 5 Nghị quyết 01/2025/NQ-HĐTP ngày

27/6/2025 của Hội đồng Thẩm phán TAND tối cao về hướng dẫn áp dụng một số quy định về tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền của Toà án nhân dân; Điều 26, Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Cho anh Nguyễn Hồng S được ly hôn với chị Hà Thị L

- Về án phí: Anh S phải chịu án phí 300.000 đồng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp trước đó.

Ngoài ra, đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị tuyên quyền kháng cáo của các đương sự.

Kiến nghị, khắc phục vi phạm: Không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, sau khi thẩm tra các chứng cứ tại phiên toà; Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Thẩm quyền giải quyết vụ án: Anh Nguyễn Hồng S hiện đang sinh sống và làm việc tại Cộng hòa liên bang Đ có đơn xin ly hôn chị Hà Thị L có hộ khẩu thường trú tại thôn T, xã T, tỉnh Bắc Ninh. Căn cứ quy định tại Điều 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật số 85/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hòa giải đối thoại tại Tòa án; khoản 1 Điều 5 Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định về tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền của các Tòa án nhân dân thì Tòa án nhân dân khu vực 4 - Bắc Ninh có thẩm quyền giải quyết.

[1.2]. Quan hệ pháp luật tranh chấp: Anh S khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết cho anh được ly hôn chị L. Căn cứ Điều 51 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự, Toà án nhân dân khu vực 4 – Bắc Ninh thụ lý, giải quyết vụ án, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là "Tranh chấp ly hôn".

[1.3]. Sự vắng mặt của các đương sự: Anh S, chị L đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX xét xử theo thủ tục vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân:

Anh S và chị L đăng ký kết hôn ngày 2/3/2022 tại Đ1 tại Cộng hòa liên bang Đ trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, được tự do tìm hiểu, được cấp Giấy chứng nhận kết hôn nên xác định hôn nhân giữa anh S và chị L là hợp pháp.

Về tình trạng hôn nhân, HĐXX thấy: Căn cứ lời khai của nguyên đơn, bị đơn có cơ sở xác định: Sau khi kết hôn, vợ chồng anh S, chị L chung sống hạnh phúc. Đến khoảng tháng 11/2025, hai bên phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính cách, quan điểm sống không hợp nhau, không tìm được tiếng nói chung nên vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi nhau. Hai bên gia đình đã tìm cách hàn gắn nhưng không có kết quả, mâu thuẫn ngày càng tăng lên. Hai vợ chồng đã chính thức ly thân từ năm 2025 đến nay. Như vậy, trong thời gian sống chung, anh S và chị L không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ vợ chồng với nhau. Vợ chồng không tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, không cùng nhau chia sẻ mọi việc, không giữ gìn, bảo vệ hạnh phúc gia đình, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng dẫn đến vợ chồng đã sống ly thân. Việc này đã trái với các quy định tại Điều 19, Điều 21 Luật hôn nhân và gia đình. Từ những phân tích trên, căn cứ theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình và hướng dẫn của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về căn cứ cho ly hôn thì thấy rằng: Tình trạng hôn nhân của vợ chồng anh S, chị L đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của anh S đối với chị L.

[2.2]. Về con chung: Anh S và chị L không có con chung nên HĐXX không đặt xem xét giải quyết.

[2.3]. Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Anh S, chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không đặt ra xem xét.

[3]. Về án phí: Anh S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[4]. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271, Điều 273 và khoản 2 Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271, khoản 1 Điều 273, Điều 469, khoản 2 Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 57, khoản 2 Điều 123 và Điều 127 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Hồng S được ly hôn chị Hà Thị L.

2. Về nuôi con chung: Không có nên không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Anh Nguyễn Hồng S phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh S đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 23 ngày 23/3/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Ninh. Anh S đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo:

- Anh Nguyễn Hồng S hiện đang cư trú ở nước ngoài, không có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

- Chị Hà Thị L vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được tống đạt bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Án xử công khai sơ thẩm./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc Ninh;
- THADS tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND khu vực 4;
- Phòng THADS khu vực 4;
- Bộ ngoại giao;
- Sở tư pháp tỉnh Bắc Ninh;
- UBND xã Tân Dĩnh, tỉnh Bắc Ninh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Kim Dung